

Số: 11/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 14 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương  
giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 659/NQ-UBTVQH ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn nước ngoài cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; phân bổ kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 của 03 chương trình mục tiêu quốc gia cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương;*

*Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Xét Tờ trình số 2089/TTr-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển*

nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia là 38.552 triệu đồng (Ba mươi tám tỷ, năm trăm năm mươi hai triệu đồng), cụ thể như sau:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 7.912 triệu đồng (Bảy tỷ, chín trăm mười hai triệu đồng).

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 30.640 triệu đồng (Ba mươi tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu đồng).

(Đính kèm Phụ lục chi tiết)

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X - kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023./. *KW*

### Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC;
- Ban Công tác đại biểu - UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: KH và ĐT, TC, TP, KBNN, Cục thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Kim Ngọc Thái**

## Phụ lục

**BỘ SƯNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**  
**GIẢI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**  
 (Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT       | Danh mục các chương trình, dự án  | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau bổ sung | Ghi chú       |        |
|-----------|---|----------------------------------|--|---------------|--------|
|           |   |                                  |  | Tăng          | Ý khác |
| 1         | 2   | 3                                | 4  | 5             | 6      |
|           | <b>TỔNG SỐ (I)+(II):</b>  | <b>361.700</b>                   | <b>400.252</b>                               | <b>38.552</b> |        |
| <b>I</b>  | <b>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>  | <b>35.790</b>                    | <b>43.702</b>                                | <b>7.912</b>  |        |
| 1)        | <b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>                                       | <b>28.733</b>                    | <b>35.085</b>                                | <b>6.352</b>  |        |
|           | <i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&amp;MN</i> | <i>28.733</i>                    | <i>35.085</i>                                | <i>6.352</i>  |        |
|           | Huyện Trà Cú  | 28.733                           | 35.085                                       | 6.352         |        |
| 2)        | <b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>                     | <b>7.057</b>                     | <b>8.617</b>                                 | <b>1.560</b>  |        |
|           | <i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>                                  | <i>7.057</i>                     | <i>8.617</i>                                 | <i>1.560</i>  |        |
|           | Sở Thông tin và Truyền thông  | 7.057                            | 8.617  | 1.560         |        |
| <b>II</b> | <b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>  | <b>325.910</b>                   | <b>356.550</b>                               | <b>30.640</b> |        |
| 1         | Huyện Càng Long   | 27.730                           | 29.665                                       | 1.935         |        |
| 2         | Huyện Cầu Kè  | 13.865                           | 14.832                                       | 967           |        |
| 3         | Huyện Cầu Ngang   | 34.662                           | 37.081                                       | 2.419         |        |
| 4         | Huyện Châu Thành  | 45.060                           | 48.204                                       | 3.144         |        |
| 5         | Huyện Duyên Hải   | 63.423                           | 69.229                                       | 5.806         |        |
| 6         | Huyện Tiểu Cần  | 10.399                           | 11.125                                       | 726           |        |
| 7         | Huyện Trà Cú  | 120.372                          | 130.290                                      | 9.918         |        |
| 8         | Thị xã Duyên Hải  | 10.399                           | 11.124                                       | 725           |        |
| 9         | Chương trình OCOP   |                                  | 5.000  | 5.000         |        |